TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/5/2019
"*V/v: Không công N2hận quan hệ vợ chồng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR,TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:*Ông Đỗ Văn Tha
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hà
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo– Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2018/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1971 – *Có mặt*
Hiện trú tại : Thôn T, xã Q, huyện C,tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Ông Đặng Hồng N2, sinh năm 1966 – *Vắng mặt*
Trú tại: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2018 và trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị N1 trình bày:

Bà và ông Đặng Hồng N2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, thậm chí ông N2 thường mắng chửi xúc phạm và đánh đập bà N1. Hai bên gia đình cũng có hòa giải để ông, bà đoàn tụ nhưng không thành. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay bà N1 và ông N2 không chung

sống với nhau nữa, nay bà N1 yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà N1 và ông N2 là vợ chồng.

Về con chung: Bà N1 và ông N2 có 03 con chung là Đặng Hồng G, sinh ngày 01/11/1989; Đặng Hồng T, sinh ngày 29/12/1990 và Đặng Hồng T1, sinh ngày 18/12/2000. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng thành nên bà N1 không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai ông Đặng Hồng N2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung ông N2 đồng ý với lời khai của bà Phạm Thị N1.

Việc bà N1 làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà N1 và ông N2 là vợ chồng thì ông N2 không đồng ý.

Về con chung, các con chung đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Phạm Thị N1.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị N1 và ông Đặng Hồng N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ ánkhông công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đặng Hồng N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưngvẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N1 và ông Đặng Hồng N2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988,ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên việc chung sống giữa bà N1 và ông N2 không

được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng. Vì vậy việc bà N1 làm đơn yêu cầu Toà án không công nhận bà và ông N2 là vợ chồng là phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N1 và ông N2 có 03 con chung là Đặng Hồng G, sinh ngày 01/11/1989; Đặng Hồng T, sinh ngày 29/12/1990 và Đặng Hồng T1, sinh ngày 18/12/2000. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểma khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N1.

Tuyên bố: Không công nhận bà Phạm Thị N1 và ông Đặng Hồng N2 là vợ chồng.

Về án phí: Bà Phạm Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006884ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM’gar;
- Thi hành án dân sự CưM’gar;
- UBND xã E;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Tha

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA